

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 380/2019/DS-PT

Ngày: 24-10-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt.

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Phụng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2019/TLPT-DS, ngày 12 tháng 8 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 426/2019/QĐ-PT, ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: 35 Hàng V, quận Hoàn K, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật là ông Trần Bắc H; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng A

Người đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Đoàn Hữu T; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh thành phố Sa Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Phạm Thiện S, chức vụ Giám đốc phụ trách phòng giao dịch Lấp V (có mặt).

Địa chỉ: khóm Bình T, thị trấn Lấp V, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: đường Hồ Văn T, Tổ 27, Ấp 1, xã Mỹ T, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi làm việc: Chi cục thuế huyện Lai V; địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Lai V, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1949;

Địa chỉ: ấp Tân L, xã Hòa T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Hồ Huỳnh H1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: đường Hồ Văn T, Tổ 27, Ấp 1, xã Mỹ T, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị H và Hồ Huỳnh H1 là anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1977; địa chỉ: đường Hồ Văn T, Tổ 27, Ấp 1, xã Mỹ T, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 9 năm 2013 và ngày 24 tháng 9 năm 2013) (có mặt).

3.3. Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1976 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: đường Lê Đại H, khóm Mỹ T, phường Mỹ P, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Hiện Nguyễn Hữu Q đang chấp hành án tại trại giam Cao L, tổng cục VIII Bộ Công an, Ấp 6, xã Tân Hội T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Nguyễn Thiện N, sinh năm 1984 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Long K, xã Long H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Hiện Nguyễn Thiện Nhơn đang chấp hành án tại trại giam Cao L, tổng cục VIII Bộ Công an, Ấp 6, xã Tân Hội T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Hồ Văn S, sinh năm 1944;

6. Hồ Hữu P, sinh năm 1979 (có mặt);

7. Hồ Thị Xuân A, sinh năm 1984 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Tân L, xã Hòa T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S là chị Hồ Thị Xuân A, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp Tân L, xã Hòa T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Minh T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng A, người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Thiện S trình bày:

Ngày 10/01/2011 Ngân hàng B (nay đã sáp nhập vào Ngân hàng A) (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và anh Nguyễn Minh T thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số NC0024.11/HĐTD ngày 10/01/2011. Theo hợp đồng nêu trên Ngân hàng cho anh Nguyễn Minh T vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 1,75%/ tháng và có điều chỉnh lãi theo định kỳ 03 tháng 01 lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, 03 tháng trả lãi 01 lần. Để đảm bảo nợ vay, anh T có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B225546 do Ủy ban nhân dân huyện Lai V cấp ngày 10/4/1993, người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà Huỳnh Thị H, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0024.11/HĐTC ngày 10/01/2011. Từ khi vay đến nay anh T không đóng tiền lãi và cũng không trả vốn gốc cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh Nguyễn Minh T cùng những người liên quan là bà Huỳnh Thị H, bà Hồ Huỳnh H1, Hồ Văn S, Hồ Hữu P, Hồ Thị Xuân A phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 05/7/2013 là 375.128.750 đồng, tổng cộng 875.128.750 đồng (*Tám trăm bảy mươi lăm triệu một trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng*). Và yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với số tiền vốn vay từ ngày 06/7/2013 theo hợp đồng tín dụng số NC0024.11/HĐTD ngày 10/01/2011 cho đến khi anh Nguyễn Minh T cùng những người liên quan là bà Huỳnh Thị H, bà Hồ Huỳnh H1, Hồ Văn S, Hồ Hữu P, Hồ Thị Xuân A thanh toán xong khoản nợ. Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0024.11/HĐTC ngày 10/01/2011 trong trường hợp anh Nguyễn Minh T cùng những người liên quan là bà Huỳnh Thị H, bà Hồ Huỳnh H1, Hồ Văn S, Hồ Hữu P, Hồ Thị Xuân A không trả nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng sẽ trả lại toàn bộ tài sản thế chấp gồm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B225546 do Ủy ban nhân dân huyện Lai V cấp ngày 10/4/1993, người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà Huỳnh Thị H cho anh Nguyễn Minh T cùng những người liên quan là bà Huỳnh Thị H,

bà Hồ Huỳnh H1, Hồ Văn S, Hồ Hữu P, Hồ Thị Xuân A khi đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T đồng thời đại diện theo ủy quyền cho bà Huỳnh Thị H và Hồ Huỳnh H1 trình bày:

Anh Nguyễn Minh T thừa nhận: vào ngày 10/01/2011 anh T có thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số NC0024.11/HĐTD với Ngân hàng B (nay đã sáp nhập vào Ngân hàng A – Phòng giao dịch Lấp V) để vay số tiền 500.000.000 đồng như đại diện Ngân hàng trình bày. Để đảm bảo nợ vay, anh T có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B225546 do Ủy ban nhân dân huyện Lai V cấp ngày 10/4/1993, người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà Huỳnh Thị H, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0024.11/HĐTC ngày 10/01/2011. Từ khi vay đến nay anh T không đóng tiền lãi và cũng không trả vốn gốc cho ngân hàng.

Tuy nhiên, do ông Nguyễn Hữu Q là Giám đốc Ngân hàng tại thời điểm đó với anh Thành là bạn bè nên ông Q đã chỉ đạo Nguyễn Thiện N nhân viên Ngân hàng tạo mọi điều kiện thuận lợi để lập hồ sơ cho anh T vay số tiền nêu trên (vì trước đó giữa anh T và ông Q đã thỏa thuận số tiền vay được anh T sẽ giao cho anh Q để anh Q làm ăn và thỏa thuận trả lãi cho anh T 2,5%/ tháng). Vì vậy hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ chỉ có anh T ký tên và anh T ký không tên của chị H1 (vợ anh T). Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0024.11/HĐTC ngày 10/01/2011 cũng do anh Nguyễn Minh T ký không tên của bà H, chị H1, ông S, anh P, chị A (Hợp đồng thế chấp được Ủy ban nhân dân xã Hòa T chứng thực không có yêu cầu những người có tên trong hợp đồng ký trước mặt người có thẩm quyền chứng thực). Khi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H (mẹ vợ anh T) để đem đi thế chấp cho Ngân hàng như trên, anh T không có nói cho bà H biết là anh T mượn để đem đi thế chấp vay tiền mà chỉ nói là mượn cho bạn vay tiền. Số tiền vay 500.000.000 đồng sau khi nhận từ Ngân hàng anh T đã giao cho ông Q. Vì vậy, bà H, chị H1, ông S, anh P, chị A hoàn toàn không biết số tiền này.

Từ khi đưa tiền cho Q đến nay ông Q không trả cho anh T số tiền vốn gốc 500.000.000đ và cũng không đưa khoản tiền lãi nào. Số tiền 500.000.000đ mà ông Q nợ của anh T đã được bản án hình sự phúc thẩm số 762/2013/HSPT ngày 23/7/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên buộc ông Q có nghĩa vụ trả cho anh T.

Nay anh Nguyễn Minh T, bà Huỳnh Thị H và Hồ Huỳnh H1 không đồng ý trả số tiền vốn và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng, anh T cho rằng ông Q là

người có nghĩa vụ trả khoản vốn và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng, anh T không có nghĩa vụ gì trong vụ án này và cũng không yêu cầu thi hành bản án hình sự buộc ông Q trả cho ông T 500.000.000đ.

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị H anh T yêu cầu tuyên bố đồng thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0024.11/HĐTC ngày 10/01/2011 giữa bà H và Ngân hàng là vô hiệu và yêu cầu Ngân hàng trả cho bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B225546 do Ủy ban nhân dân huyện Lai V cấp ngày 10/4/1993, người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà Huỳnh Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn S, anh Hồ Hữu P, chị Hồ Thị Xuân A trình bày:

Ông S, anh P, chị A là những người chung hộ với bà Huỳnh Thị H. Tất cả đều không ký tên trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0024.11/HĐTC ngày 10/01/2011. Ông S, anh P, chị A cũng không biết gì về số tiền do anh T vay của Ngân hàng và không đồng ý liên đới cùng anh T trả tiền cho Ngân hàng. Ông S, anh P, chị A thống nhất yêu cầu của bà H yêu cầu tuyên bố đồng thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0024.11/HĐTC ngày 10/01/2011 giữa bà H và Ngân hàng là vô hiệu.

Theo hồ sơ án sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Q trình bày:

Ông Q thừa nhận có vay của anh T số tiền 500.000.000đồng vào ngày 12/01/2011, lãi suất 2,5% /tháng. Số tiền trên là do anh T lập hồ sơ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H để vay. Ông Q xác định có chỉ đạo cho nhân viên lập thủ tục để cho anh T vay, còn các hợp đồng do ai trực tiếp ký tên thì ông không biết.

Theo hồ sơ án sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thiện N trình bày:

Tại thời điểm năm 2011 ông N là cán bộ tín dụng của Ngân hàng. Việc lập thủ tục cho anh T vay tiền là theo chỉ đạo của ông Q. Hồ sơ vay ông có hướng dẫn cho anh T mang về cho tất cả những người có tên trong hợp đồng ký tên đầy đủ và phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi có tài sản thế chấp. Ông N xác định không có trách nhiệm gì trong vụ án này.

Bản án sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai V tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng A.

Buộc anh Nguyễn Minh T phải trả cho Ngân hàng A số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 05/7/2013 là 375.128.750 đồng, tổng cộng 875.128.750 đồng (*Tám trăm bảy mươi lăm triệu một trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng*). Số tiền vốn gốc sẽ được tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng số NC0024.11/HĐTD ngày 10/01/2011 từ ngày 06/7/2013 cho đến khi anh T trả xong nợ.

Bác yêu cầu của Ngân hàng A về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị H, bà Hồ Huỳnh H1, Hồ Văn S, Hồ Hữu P, Hồ Thị Xuân A liên đới cùng anh Nguyễn Minh T trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0024.11/HĐTC ngày 10/01/2011 trong trường hợp Nguyễn Minh T không trả nợ cho Ngân hàng.

Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0024.11/HĐTC ngày 10/01/2011 giữa bà Huỳnh Thị H và Ngân hàng là vô hiệu. Ngân hàng A – Phòng giao dịch Lấp V trả lại cho bà Huỳnh Thị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B225546 do Ủy ban nhân dân huyện Lai V cấp ngày 10/4/1993, người đứng tên quyền sử dụng đất Huỳnh Thị H.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh Th phải nộp 38.253.800đồng (*Ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi ba ngàn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng A- Phòng giao dịch Lấp V (nay là Ngân hàng A – Phòng giao dịch Lấp V) nộp 200.000đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng A - Phòng giao dịch Lấp V đã nộp số tiền tạm ứng án phí 19.127.000đồng (*Mười chín triệu một trăm hai mươi bảy ngàn đồng*) ngày 07/8/2013 theo biên lai số 15820 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lai V. Sau khi khấu trừ tiền án phí Ngân hàng A được hoàn lại số tiền 18.927.000 đồng (*Mười tám triệu chín trăm hai mươi bảy ngàn đồng*).

Về chi phí giám định: Anh Nguyễn Minh T phải nộp 2.025.000đồng (*Hai triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) để hoàn trả cho bà hộ bà Huỳnh Thị H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Minh T kháng cáo với nội dung:

- Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với ông T phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 05/7/2013 là 375.128.750 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 06/7/2013 theo hợp đồng tín dụng.

- Yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tín dụng số NC0024.11/HĐTD ngày 10/01/2011 của Ngân hàng A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Nguyễn Minh T là bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với ông T phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 05/7/2013 là 375.128.750 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 06/7/2013 theo hợp đồng tín dụng; yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tín dụng số NC0024.11/HĐTD ngày 10/01/2011 của Ngân hàng A.

Nguyên đơn Ngân hàng A trình bày yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị A và anh P đồng ý với nội dung trình bày của anh T; phía Ngân hàng A cũng có thiếu sót trong việc xét duyệt cho vay, nên yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đã phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh T kháng cáo không đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 500 triệu đồng và lãi tạm tính đến ngày 05/7/2013 là 375.128.750 đồng, tổng cộng 875.128.750 và yêu cầu tuyên bố hợp đồng tín dụng ngày 10/01/2011 của Ngân hàng vô hiệu là không có cơ sở vì: Anh T xác nhận có ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng vào ngày 11/01/2011, số tiền vốn vay là 500 triệu đồng, có ký nhận số tiền 500 triệu đồng của Ngân hàng, do đó xác định anh T có vay tiền của Ngân hàng số nợ vốn và lãi phát sinh như Ngân hàng trình bày là có căn cứ.

[2] Tuy nhiên, anh T trình bày số tiền vay 500 triệu đồng nêu trên là do

ông Q yêu cầu anh T mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị H để cho ông Q làm thủ tục cho anh T vay và đưa số tiền trên cho ông Q vay lại với lãi suất 2.5%/tháng. Vì vậy, anh T không đồng ý trả nợ vay theo yêu cầu của Ngân hàng mà cho rằng ông Q phải có nghĩa vụ trả vốn và lãi theo yêu cầu của ngân hàng. Lời trình bày này của anh T là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, việc anh T đã trực tiếp ký hợp đồng tín dụng ngày 10/01/2011 và ký giấy nhận tiền ngày 12/01/2011 vay tiền của Ngân hàng nên anh T phải có trách nhiệm trong việc xác lập giao dịch dân sự và có nghĩa vụ về số tiền vay này.

Việc anh T dùng số tiền vay được của Ngân hàng cho ông Q vay lại là một giao dịch khác giữa anh T với cá nhân ông Q và hậu quả ông Q bị bản án hình sự buộc trách nhiệm trả lại cho anh T, án đã có hiệu lực pháp luật. Cho nên số tiền vay này anh T phải trực tiếp chịu trách nhiệm với Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả là phù hợp pháp luật.

Hợp đồng tín dụng ngày 10/01/2011 anh T trực tiếp ký tên, trực tiếp nhận tiền vay là có thật cho nên anh T yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tín dụng này là không có cơ sở.

[3] Kiểm sát viên đề cập nhận định các tình tiết của vụ án và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh T giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Từ những nội dung nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận Tòa sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc nghĩa vụ anh T phải trả nợ vốn và lãi vay cho Ngân hàng là phù hợp; anh T kháng cáo đưa ra những lời lẽ không có căn cứ nên không được chấp nhận; nên cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

[6] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 122, Điều 127, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12, ngày 27 tháng 02 năm 2009 và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Minh T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng A.

3. Buộc anh Nguyễn Minh T phải trả cho Ngân hàng A số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 05/7/2013 là 375.128.750 đồng, tổng cộng 875.128.750 đồng (*Tám trăm bảy mươi lăm triệu một trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng*). Số tiền vốn gốc sẽ được tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng số NC0024.11/HĐTD ngày 10/01/2011 từ ngày 06/7/2013 cho đến khi anh T trả xong nợ.

4. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị H, bà Hồ Huỳnh H1, Hồ Văn S, Hồ Hữu P, Hồ Thị Xuân A liên đới cùng anh Nguyễn Minh T trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0024.11/HĐTC ngày 10/01/2011 trong trường hợp Nguyễn Minh T không trả nợ cho Ngân hàng.

5. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0024.11/HĐTC ngày 10/01/2011 giữa bà Huỳnh Thị H và Ngân hàng là vô hiệu. Ngân hàng A – Phòng giao dịch Lấp V trả lại cho bà Huỳnh Thị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B225546 (bản chính) do Ủy ban nhân dân huyện Lai V cấp ngày 10/4/1993, người đứng tên quyền sử dụng đất Huỳnh Thị H.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Nguyễn Minh T phải nộp 38.253.800 đồng (*Ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi ba nghìn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng A – Phòng giao dịch Lấp V nộp 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.127.000 đồng ngày 07/8/2013 theo biên lai số 15820 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai V, Đồng Tháp; Ngân hàng A – Phòng giao dịch Lấp V được nhận lại số tiền 18.927.000 đồng (*Mười tám triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng*).

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, được trừ và tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001654 ngày 01/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai V, Đồng Tháp (đã nộp xong).

8. Về chi phí giám định: Anh Nguyễn Minh T phải nộp 2.025.000 đồng (*Hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) để hoàn trả cho anh Hồ Hữu P.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Lai V;
- CCTHADS huyện Lai V;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Phương